

THÔNG BÁO KẾT QUẢ LỰA CHỌN TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

(Theo Thông báo số 526/TB-TTVHĐA ngày 15/10/2024 của Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh Đồng Nai)

I. NGƯỜI CÓ TÀI SẢN ĐẤU GIÁ:

Tên, địa chỉ của người có tài sản đấu giá: **Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh Đồng Nai.**

Địa chỉ: Số 100, Xa lộ Hà Nội, phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

II. TÀI SẢN ĐẤU GIÁ, GIÁ KHỞI ĐIỂM:

- Lô máy móc, thiết bị đã hư hỏng, không còn sử dụng của Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh Đồng Nai. (Đính kèm phụ lục chi tiết)

- Giá khởi điểm: 3.900.000đ (Bằng chữ: Ba triệu chín trăm ngàn đồng)

III. KẾT QUẢ LỰA CHỌN:

1. Tên, địa chỉ của tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn: **Công ty Đấu giá Hợp danh Đồng Tâm.**

Địa chỉ: Số T04-B1, Nguyễn Ái Quốc, khu phố 3, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. Tổng số điểm của tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn: 95/100 điểm.

3. Tổ chức đấu giá tài sản bị từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ kèm theo lý do từ chối (nếu có): Không.

IV. KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM (bao gồm cả tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn):

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA	CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH ĐỒNG TÂM	CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH ĐỒNG NAM
I	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	23,0	22,0	23,0
1	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	11,0	11,0	11,0
1.1	Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)	6,0	6,0	6,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện	5,0	5,0	5,0
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	8,0	8,0	8,0
2.1	Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá	4,0	4,0	4,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá	4,0	4,0	4,0
3	Có trang thông tin điện tử đang hoạt động	2,0	2,0	2,0
4	Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	1,0	0,0	1,0
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0	1,0	1,0
II	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả	22,0	22,0	20,0

2.1	Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá	4,0	4,0	4,0
1	Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan	4,0	4,0	4,0
2	Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0	4,0	4,0
3	Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, dìm giá	4,0	4,0	4,0
4	Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá	4,0	4,0	4,0
5	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá	3,0	3,0	2,0
6	Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá	3,0	3,0	2,0
III	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản	45,0	41,0	45,0
1	Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá	6,0	6,0	6,0
1.1	Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)	2,0		
1.2	Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng	3,0		
1.3	Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng	4,0		
1.4	Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng	5,0		
1.5	Từ 30 hợp đồng trở lên	6,0	6,0	6,0
2	Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm	18,0	18,0	18,0
2.1	Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)	10,0		
2.2	Từ 20% đến dưới 40%	12,0		
2.3	Từ 40% đến dưới 70%	14,0		
2.4	Từ 70% đến dưới 100%	16,0		
2.5	Từ 100% trở lên	18,0	18,0	18,0

2.1	Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá	4,0	4,0	4,0
3	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực)	5,0	5,0	5,0
3.1	Dưới 03 năm	3,0		
3.2	Từ 03 năm đến dưới 05 năm	4,0		
3.3	Từ 05 năm trở lên	5,0	5,0	5,0
4	Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản	3,0	2,0	3,0
4.1	01 đấu giá viên	1,0		
4.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	2,0	2,0	
4.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	3,0		3,0
5	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản	4,0	4,0	4,0
5.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	2,0		
5.2	Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	3,0		
5.3	Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	4,0	4,0	4,0
6	Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng	5,0	2,0	5,0
6.1	Dưới 50 triệu đồng	2,0	2,0	
6.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	3,0		
6.3	Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng	4,0		
6.4	Từ 200 triệu đồng trở lên	5,0		5,0
7	Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động	3,0	3,0	3,0
7.1	Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)	2,0		
7.2	Từ 03 nhân viên trở lên	3,0	3,0	3,0
8	Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn	1,0	1,0	1,0
IV	Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp	5,0	5,0	5,0
1	Bảng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính	3,0		

2.1	Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá	4,0	4,0	4,0
2	Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	4,0		
3	Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	5,0	5,0	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	5,0	5,0	0,0
1	Tổ chức đấu giá đã từng thực hiện đấu giá thành tài sản của Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh Đồng Nai đồng thời trong vòng 06 tháng gần nhất đã thực hiện đấu giá thành công tối thiểu 05 hợp đồng đấu giá thanh lý tài sản là máy móc, thiết bị	5,0	5,0	0,0
VI	Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố			
1	Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố		Đủ điều kiện	Đủ điều kiện
2	Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố			
Tổng số điểm		100	95	93

Nơi nhận:

- Đăng công TTQG về ĐGTS;
- Lưu: VT, VP.



PHÓ GIÁM ĐỐC

Đỗ Thị Hồng

PHỤ LỤC CHI TIẾT TÀI SẢN THANH LÝ

(Đính kèm Thông báo số: 536/TB-TTVHĐA, ngày 21/10/2024 về việc thông báo lựa chọn đơn vị tổ chức đấu giá để đấu giá thanh lý lô máy móc, thiết bị đã hư hỏng, không còn sử dụng của Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh Đồng Nai)

Đvt: đồng

Stt	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Lĩnh vực Điện ảnh				
1.	Máy chiếu hiệu Sony (Model No VPL-CX125, Made in Japan, Data Projector)	Cái	1	50.000	50.000
2.	Đầu phóng PG/D50 X3D (máy chiếu) hiệu Sharp, (Model PG-D40W3D, D50/60HZ, Made in China)	Cái	1	50.000	50.000
3.	Đầu phóng PG/D40W3D (máy chiếu), hiệu Sharp, (Model PG-D3750W, D50/60HZ, Made in China)	Cái	1	50.000	50.000
4.	Máy chiếu kỹ thuật số Optoma X501(3DXGA) (Model No DAEXTKZ, Made in China)	Cái	1	50.000	50.000
5.	Máy chiếu video kỹ thuật số hiệu Optoma X501(3D) (Model No DAEXTKZ, Made in China)	Cái	1	50.000	50.000
6.	Đầu phóng (máy chiếu) video 300in cho đội chiếu VPTT, hiệu Sharp (Model PG-D4010X, Made in China)	Cái	1	50.000	50.000
7.	Đầu phóng (máy chiếu) 300" (Sở cấp), hiệu Sony (Model No VPL - CX125, Made in Japan)	Cái	1	50.000	50.000
8.	Đầu phóng hiệu Optoma (Model DAEWLK ZST X501, Made in China)	Cái	1	50.000	50.000
9.	Dàn âm thanh đội CPLĐ số 05, gồm: 02 loa hiệu KC Audio; 01 đầu đĩa DVD hiệu Sony, made in Japan; 01 Amply hiệu GHS Audio made in VietNam; 01 Amply hiệu	Bộ	1	800.000	800.000



Stt	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	JARGUAR SUH YOUNG PA - 2000X made in Viet Nam				
10.	Hai loa của đội CPLĐ số 5, hiệu JBL JRX 100, Feavery	Cái	2	800.000	800.000
11.	Laptop phòng NVĐA, hiệu HP	Cái	1	400.000	400.000
12.	Máy lạnh Rạp Thanh Bình (Hiệu Carrier, Model Number 38RB048SC)	Bộ	1	800.000	800.000
II	Lĩnh vực Văn hóa				
1.	Máy Photocopy E-Studio, hiệu Toshiba, model DP-455	Cái	1	500.000	700.000
	Tổng cộng				3.900.000

Tổng giá trị tài sản thẩm định giá là: **3.900.000đồng** (Bằng chữ: Ba triệu chín trăm ngàn đồng)

